

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
VEXILLA VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 04/2025/CV-SVN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam**

- Mã chứng khoán: SVN
- Địa chỉ: Phòng 14.21, Tầng 14, Tòa nhà Golden King, Số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0835790106 Fax: 024.37835103
- Email: solavina@solavina.vn Website: <http://solavina.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2024

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 31/03/2025 tại đường dẫn: <http://solavina.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2024
- Văn bản giải trình BCTC năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
VEXILLA VIỆT NAM**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Chiến

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Phòng 14.21, Tầng 14, Tòa nhà Golden King, Số 15 Nguyễn Lương Bằng,
Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 29

PHỤ LỤC
CỔ
KIỂM
CV
CHI
HÀ
ĐÌNH

01
Ô
C
ÁP
EX
E
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Phòng 14.21, Tầng 14, Tòa nhà Golden King, Số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Công ty và các Công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn VEXILLA Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101612880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/02/2005.

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101612880, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 26/05/2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 đồng được chia thành 21.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã cổ phiếu là SVN.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Phòng 14.21, Tầng 14, Tòa nhà Golden King, Số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Michael Marc Lee	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Chiến	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Thuyên	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Callum Fraser	Thành viên HĐQT độc lập
Bà Trương Diệu Hương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Chiến	Tổng Giám đốc - Đại diện theo pháp luật
----------------------	---

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Căn cứ theo Nghị quyết số 08/2024/SVN/NQ-HDQT ngày 25/12/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Veridian, ngày 14/3/2025 Công ty đã ký hợp đồng số 01-2025/HĐCNCP-VXLL để chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Veridian cho Ông Lê Hải Châu với số tiền chuyển nhượng là 21.550.000.000 đồng. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, ông Lê Hải Châu đã thanh toán số tiền 5.650.000.000 đồng, số tiền còn lại 15.900.000.000 đồng sẽ được thanh toán chậm nhất ngày 30/5/2025.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.6, ngày 25/3/2025, Ông Nguyễn Hồng Quang đã thanh toán 1.009.440.000 đồng công nợ phải thu khác.

Ngoài các sự kiện trên, Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có sự kiện nào khác sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Phòng 14.21, Tầng 14, Tòa nhà Golden King, Số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tập đoàn ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 29, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Chiến

Tổng Giám đốc

TP. HCM, ngày 28 tháng 3 năm 2025



Số: 047/2025/BCKTHN-HT.00141

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con ("sau đây được gọi chung là Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán và các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam, và được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



PHẠM QUANG KHẢI

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 4018-2022-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

HOÀNG VĂN HÙNG

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 4302-2024-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53.925.772.784	56.691.985.992
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.465.293.716	822.433.660
Tiền	111		3.465.293.716	822.433.660
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.996.423.759	55.443.520.245
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	-	9.346.284.500
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	8.547.500.000	8.047.500.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	23.750.000.000	35.500.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	17.698.923.759	2.549.735.745
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
Hàng tồn kho	141		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		464.055.309	426.032.087
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7a	8.136.402	15.721.170
Thuế GTGT được khấu trừ	152		455.918.907	410.310.917
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		179.585.461.864	179.616.967.320
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.057.513.429	10.047.513.429
Phải thu dài hạn khác	216	5.6	10.057.513.429	10.047.513.429
II. Tài sản cố định	220		91.131.826	127.584.550
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	91.131.826	127.584.550
- Nguyên giá	222		182.263.636	182.263.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(91.131.810)	(54.679.086)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	169.436.816.609	169.436.816.609
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		169.459.500.000	169.459.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(22.683.391)	(22.683.391)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	5.052.732
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7b	-	5.052.732
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		233.511.234.648	236.308.953.312

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.834.668.573	12.099.731.031
I. Nợ ngắn hạn	310		8.834.668.573	12.099.731.031
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	1.985.522.845	5.118.451.781
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	124.288.158	187.834.420
Phải trả người lao động	314		-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	9.438.904	78.026.164
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	98.143.090	98.143.090
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	6.600.000.000	6.600.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.275.576	17.275.576
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		224.676.566.075	224.209.222.281
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	224.676.566.075	224.209.222.281
Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		210.000.000.000	210.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		87.934.868	87.934.868
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		136.465.222	136.465.222
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.515.749.878	13.054.109.552
- LNST chưa phân phối lũy kế cuối kỳ trước	421a		13.054.109.552	12.337.806.258
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		461.640.326	716.303.294
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	422		936.416.107	930.712.639
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		233.511.234.648	236.308.953.312

TP. HCM, ngày 28 tháng 3 năm 2025
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Văn Chiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	86.058.856.460	80.748.872.433
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		86.058.856.460	80.748.872.433
Giá vốn hàng bán	11	6.2	84.697.396.720	78.954.894.800
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.361.459.740	1.793.977.633
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.416.560.930	1.313.411.541
Chi phí tài chính	22	6.4	546.564.382	392.625.204
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	392.625.204
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	1.904.250.457	1.953.287.914
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		327.205.831	761.476.056
Thu nhập khác	31	6.7	289.640.069	172.602.740
Chi phí khác	32	6.8	26.232.609	30.268.584
Lợi nhuận khác	40		263.407.460	142.334.156
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		590.613.291	903.810.212
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	123.269.497	186.815.759
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		467.343.794	716.994.453
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		461.640.326	716.303.294
- Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		5.703.468	691.159
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	22	34

TP. HCM, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Văn Chiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		590.613.291	903.810.212
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		36.452.724	36.452.724
Các khoản dự phòng	03			-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.416.560.930)	(1.188.421.304)
Chi phí lãi vay	06		546.564.382	392.625.204
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(242.930.533)	144.466.836
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.951.036.441	52.903.762.512
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(3.201.678.936)	(471.109.085)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		12.637.500	34.443.572
Tiền lãi vay đã trả	14		(546.401.642)	(383.349.040)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(186.815.759)	(308.541.082)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.214.152.929)	51.919.673.713
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.000.000.000)	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.500.000.000)	(16.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		27.250.000.000	3.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(51.209.500.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.107.012.985	2.907.624.043
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.857.012.985	(61.801.875.957)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	920.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		19.800.000.000	13.200.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(19.800.000.000)	(6.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			7.520.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.642.860.056	(2.362.202.244)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		822.433.660	3.184.635.904
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	3.465.293.716	822.433.660

TP. HCM, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Văn Chiến

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn VEXILLA Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101612880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/02/2005.

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101612880, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 26/05/2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 đồng được chia thành 21.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã cổ phiếu là SVN.

Công ty có đầu tư vào công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (Cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh thương mại, đầu tư.

1.3. Ngành nghề kinh doanh:

Những hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác Bán buôn nông, lâm, thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc của Công ty

Tập đoàn có trụ sở chính đăng ký tại: Phòng 14.21, Tầng 14, Tòa nhà Golden King, Số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Các đơn vị trực thuộc:

STT	Chi nhánh	Địa chỉ	Tình trạng hoạt động
1	CN Công ty CP Solavina tại Đắk Lắk	Số 185 Giải Phóng - Thị trấn Phước An - Huyện Krông Pắc - Đắk Lắk.	Đang làm thủ tục đóng cửa Chi nhánh
2	CN Công ty CP Solavina tại Kon Tum	Thôn Măng Đen - Xã Đắk Long - Huyện Kon Plông - Kon Tum.	Đã ngừng hoạt động, đóng mã số thuế
3	CN Công ty CP Solavina tại Đắk Nông	Tổ 5 - Phường Nghĩa Đức - Thành phố Gia Nghĩa - Đắk Nông.	Đang tạm ngừng kinh doanh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

STT	Chi nhánh	Địa chỉ	Tình trạng hoạt động
4	CN Công ty CP Tập đoàn Vexilla Việt Nam	Tầng 15 tòa nhà Viwaseen, số 48 đường Tố Hữu - Phường Trung Văn - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội.	Đang hoạt động

Tại ngày 31/12/2024, Tập đoàn có 01 công ty con (tại ngày 31/12/2023: 01 công ty con)

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 01 công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

Chi tiết Công ty con tại ngày 31/12/2024:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động chính
1	Công ty CP Thương mại M&S	Tầng 15, toà nhà Viwaseen, 48 Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	95,31%	95,31%	Bán buôn hàng hóa các loại

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

1.7. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2024 là 10 người (tại ngày 31/12/2023 là: 08 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Các chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm tài chính được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được

- Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Máy móc thiết bị 05 - 10 năm

4.9 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.10 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thu nhập từ tiền lãi tiền gửi và đầu tư

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận lãi.

4.14 Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn, chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4.17 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung kiểm soát với Tập đoàn;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Tập đoàn và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Tập đoàn.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
- Tiền mặt	168.086.568	295.044.467
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.297.207.148	527.389.193
Cộng	<u>3.465.293.716</u>	<u>822.433.660</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.2. Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	169.459.500.000	(22.683.391)		169.459.500.000
- Công ty CP Cyan	75.000.000.000	(20.888.560)	(*)	75.000.000.000
- Công ty CP Veridian (i)	21.550.000.000	(1.794.831)	(*)	21.550.000.000
- Công ty CP ĐT và PT Lũng Lô 5 (ii)	72.909.500.000	-	(*)	72.909.500.000
Cộng	169.459.500.000	(22.683.391)		169.459.500.000

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(i) Căn cứ theo Nghị quyết số 08/2024/SV/NQ-HDQT ngày 25/12/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Veridian, ngày 14/3/2025 Công ty đã ký hợp đồng số 01-2025/HĐCNCP-VXLL để chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Veridian cho Ông Lê Hải Châu với số tiền chuyển nhượng là 21.550.000.000 đồng. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, ông Lê Hải Châu đã thanh toán số tiền 5.650.000.000 đồng, số tiền còn lại 15.900.000.000 đồng sẽ được thanh toán chậm nhất ngày 30/5/2025.

(ii) Ngày 25/12/2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 07/2024/SV/NQ-HDQT về việc thoái vốn đầu tư của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5, giá trị thanh lý dự kiến 74.178.000.000 đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn đang trong quá trình tìm kiếm người mua tiềm năng.

- Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư khác của Tập đoàn:

S TT	Tên Công ty	Địa chỉ	% biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động chính
1	Công ty CP Cyan	Đường Thanh Niên, Khối Hà My Đông B, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	15,00%	15,00%	Kinh doanh bất động sản
2	Công ty CP Veridian	Đường Thanh Niên, Thôn Hà Quảng Đông, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	15,25%	15,25%	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
3	Công ty CP ĐT và PT Lũng Lô 5	Tầng 15, toà nhà Viwaseen, 48 Tô Hữu, phường Trung Ván, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	17,61%	17,61%	Kinh doanh bất động sản

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải B&L	-	2.058.724.500
- Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Thăng Lợi	-	5.596.400.000
- Công ty TNHH Gạo Sóc Trắng	-	609.200.000
- Công ty TNHH Chè Tân Bình	-	1.081.960.000
- Phải thu các khách hàng khác	-	-
Cộng	-	9.346.284.500

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Foveris (i)	7.500.000.000	8.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VBS	1.000.000.000	-
- Trả trước cho nhà cung cấp khác	47.500.000	47.500.000
Cộng	8.547.500.000	8.047.500.000

- (i) Ứng trước cho Công ty Cổ phần Foveris theo Hợp đồng số 1002/HĐNT/FVR-MS ngày 10/02/2023 để thực hiện việc mua chè đen OP-RA

5.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
- Ông Hạ Quyết Chiến (*)	13.850.000.000	19.000.000.000
- Bà Hoàng Hải Trang (**)	9.900.000.000	11.000.000.000
- Ông Đinh Trường Giang	-	5.500.000.000
Cộng	23.750.000.000	35.500.000.000

- (*) Theo Hợp đồng cho vay số 01.2022/HĐVT ngày 20/5/2022 và Phụ lục số 06 ký ngày 21/8/2024, thời hạn cho vay được gia hạn đến ngày 31/3/2025, lãi suất 5%/năm kể từ ngày 01/10/2023, tài sản đảm bảo là 10 căn liền kề thuộc khu đô thị Nam 32, thị trấn Tràm Trôi, huyện Hoài Đức, Hà Nội theo Hợp đồng mua bán Bất động sản giữa Công ty CP Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5 và ông Hạ Quyết Chiến.

- (**) Theo Hợp đồng cho vay số 2012/2024/HĐVT ngày 26/11/2024, thời hạn cho vay 120 ngày, lãi suất 5%/năm, tài sản đảm bảo là Hợp đồng đặt cọc số 37/TT3.2/WP/HĐĐC/LIC5 và Hợp đồng đặt cọc số 76/TT7.3/WP/HĐĐC/LIC5 đặt cọc mua bất động sản tại Khu đô thị Nam 32, thị trấn Tràm Trôi, huyện Hoài Đức, Hà Nội theo Hợp đồng đặt cọc mua bán Bất động sản giữa Công ty CP Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5 và bà Hoàng Hải Trang.

Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty không có khoản cho vay nào đang quá hạn trên 12 tháng hoặc có nguy cơ mất vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.6. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	17.698.923.759	-	2.549.735.745	-
- Tạm ứng	7.050.000.000	-	1.000.000.000	-
- Lãi cho vay phải thu	320.849.315	-	11.301.370	-
- Lãi hợp tác kinh doanh	1.000.000.000	-	500.000.000	-
- Ông Nguyễn Hồng Quang (i)	1.009.440.135	-	1.009.440.135	-
- Ông Phùng Thế Tài (ii)	8.000.000.000	-	-	-
- Ông Đỗ Bảo Anh	-	-	-	-
- Phạt tiền đặt cọc	289.640.069	-	-	-
- Phải thu khác	28.994.240	-	28.994.240	-
Dài hạn	10.057.513.429	-	10.047.513.429	-
- Ký quỹ, ký cược	57.513.429	-	47.513.429	-
- Ông Phùng Thế Tô	-	-	-	-
- Công ty CP Foveris (iii)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Cộng	27.756.437.188	-	12.597.249.174	-

- (i) Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 11.10/2019/BB-HĐQT ngày 11/10/2019, Hội đồng Quản trị thống nhất về việc xử lý nợ cũ, giao ông Nguyễn Hồng Quang - Nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty (đã miễn nhiệm 04/09/2019) trực tiếp phụ trách và tiếp tục xử lý các khoản công nợ, nghĩa vụ về thuế của Công ty còn tồn tại từ thời điểm 11/10/2019 trở về trước. Theo Biên bản thỏa thuận ngày 31/12/2021 giữa ông Nguyễn Hồng Quang và Công ty, ông Nguyễn Hồng Quang cam kết thanh toán hết các khoản công nợ nói trên cho Công ty ngày 31/12/2023. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, ông Nguyễn Hồng Quang đã thanh toán số tiền 1.009.440.000 đồng.
- (ii) Đặt cọc cho Ông Phùng Thế Tài theo thỏa thuận số 01/2024/TTHT ngày 24/6/2024 về việc nhận chuyển nhượng 25ha đất nông nghiệp tại thôn Hùng Tâm, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.
- (iii) Phải thu Công ty CP Foveris theo Hợp đồng hợp tác số 0812/HĐHT ngày 08/12/2022, Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 12/6/2023 và Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 01/10/2023 ký giữa Công ty và Công ty CP Foveris. Công ty góp vốn là 10 tỷ VND để phục vụ các công tác nghiên cứu, xúc tiến đến hoàn thiện các thủ tục pháp lý của 6,7 hecta diện tích Dự án trồng cây nông dược liệu và nuôi trồng thủy sản tại thôn Hùng Tâm, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Năm 2024, Công ty được hưởng 5% lợi nhuận trên số tiền thực góp.

5.7. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	8.136.402	15.721.170
- Chi phí trả trước khác	-	-
Cộng	8.136.402	15.721.170
b. Dài hạn		
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	5.052.732
Cộng	-	5.052.732

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư 01/01/2024	182.263.636	182.263.636
Mua trong năm	-	-
Số dư 31/12/2024	182.263.636	182.263.636
Hao mòn lũy kế		
Số dư 01/01/2024	54.679.086	54.679.086
Khấu hao trong năm	36.452.724	36.452.724
Số dư 31/12/2024	91.131.810	91.131.810
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024	127.584.550	127.584.550
Tại ngày 31/12/2024	91.131.826	91.131.826

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: không có

5.9. Phải trả người bán ngắn hạn

a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Tổ hợp tác Nông nghiệp xã Krông Buk	453.900.000	453.900.000	453.900.000	453.900.000
- Tổ hợp tác Nông nghiệp xã EaYiêng	323.000.000	323.000.000	323.000.000	323.000.000
- Ông Vũ Văn Tình	446.640.000	446.640.000	446.640.000	446.640.000
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại VBS	-	-	2.071.882.800	2.071.882.800
- Công ty CP Tư vấn Đầu tư Phát triển Hoàng Sơn	-	-	1.050.000.000	1.050.000.000
- Các nhà cung cấp khác	761.982.845	761.982.845	773.028.981	773.028.981
Cộng	1.985.522.845	1.985.522.845	5.118.451.781	5.118.451.781

b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
- Tổ hợp tác Nông nghiệp xã Krông Buk	453.900.000	453.900.000
- Tổ hợp tác Nông nghiệp xã EaYiêng	323.000.000	323.000.000
- Ông Vũ Văn Tình	446.640.000	446.640.000
- Các nhà cung cấp khác	353.940.000	353.940.000
Cộng	1.577.480.000	1.577.480.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Tập đoàn không có khoản phải trả người bán là bên liên quan tại ngày đầu năm và cuối năm. Tại ngày đầu năm và cuối năm, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này. Các khoản phải trả này tồn đọng do các Chi nhánh của Công ty đang trong quá trình làm thủ tục giải thể nên chưa có kế hoạch thanh toán.

5.10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	187.834.420	123.269.497	186.815.759	124.288.158
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.181.818	3.181.818	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	25.658.352	25.658.352	-
Cộng	187.834.420	152.109.667	215.655.929	124.288.158

5.11. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Trích trước chi phí lãi vay	9.438.904	9.276.164
- Chi phí phải trả khác	-	68.750.000
Cộng	9.438.904	78.026.164

5.12. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	39.710.450	39.710.450
- Bảo hiểm xã hội	7.247.603	7.247.603
- Bảo hiểm y tế	858.684	858.684
- Bảo hiểm thất nghiệp	326.353	326.353
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	50.000.000	50.000.000
- Phải trả khác	-	-
Cộng	98.143.090	98.143.090

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.13. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn	6.600.000.000	6.600.000.000	19.800.000.000	19.800.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000
- Vay ngắn hạn	6.600.000.000	6.600.000.000	19.800.000.000	19.800.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000
+ NH Tiên phong Bank (*)	6.600.000.000	6.600.000.000	19.800.000.000	19.800.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
b. Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	6.600.000.000	6.600.000.000	19.800.000.000	19.800.000.000	6.600.000.000	6.600.000.000

(*) Khoản vay tại Ngân hàng Tiên Phong theo Hợp đồng tín dụng số 126/2024/HDTD/HHA ngày 24/5/2024 với tổng hạn mức tín dụng tối đa không quá 10.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay được cố định 3 tháng đầu 8,7% và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Mục đích vay là để thanh toán mua hàng hóa cho các nhà cung cấp đã đến hạn thanh toán. Số tiền vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.14. Vốn chủ sở hữu**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông thiểu số	Tổng cộng		
NĂM TRƯỚC								
Số dư 01/01/2023	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	12.397.761.915	10.021.480	222.632.183.485		
Lãi trong năm trước	-	-	-	716.303.294	691.159	716.994.453		
Tăng/giảm trong năm	-	-	-	(59.955.657)	920.000.000	860.044.343		
Số dư 31/12/2023	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	13.054.109.552	930.712.639	224.209.222.281		
NĂM NAY								
Số dư 01/01/2024	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	13.054.109.552	930.712.639	224.209.222.281		
Lãi trong năm nay	-	-	-	461.640.326	5.703.468	467.343.794		
Tăng/giảm trong năm	-	-	-	-	-	-		
Số dư 31/12/2024	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	13.515.749.878	936.416.107	224.676.566.075		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Tài chính MYA Capital	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hoàng Gia Holding	50.000.000.000	50.000.000.000
Ông Trương Huy Tâm	-	12.699.000.000
Các cổ đông khác	140.000.000.000	127.301.000.000
Cộng	210.000.000.000	210.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	210.000.000.000	210.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	210.000.000.000	210.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

đ) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Doanh thu bán hàng hóa	85.558.856.460	80.248.872.433
Doanh thu hợp tác kinh doanh	500.000.000	500.000.000
Cộng	<u>86.058.856.460</u>	<u>80.748.872.433</u>

Tập đoàn không phát sinh giao dịch mua bán hàng hoá với bên liên quan trong năm nay và năm trước.

6.2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá vốn bán hàng hóa	84.697.396.720	78.954.894.800
Cộng	<u>84.697.396.720</u>	<u>78.954.894.800</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.416.560.930	1.188.421.304
Doanh thu HĐTC khác	-	124.990.237
Cộng	<u>1.416.560.930</u>	<u>1.313.411.541</u>

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi tiền vay	546.564.382	392.625.204
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	<u>546.564.382</u>	<u>392.625.204</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.211.821.939	917.747.750
Chi phí vật liệu quản lý	-	-
Chi phí dụng cụ quản lý	17.680.089	51.800.425
Chi phí khấu hao TSCĐ	39.452.724	36.452.724
Thuế, phí, lệ phí	11.592.700	18.455.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài	623.703.005	909.385.290
Chi phí bằng tiền khác	-	19.446.430
Cộng	1.904.250.457	1.953.287.914

6.6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.680.089	51.800.425
Chi phí nhân công	1.211.821.939	917.747.750
Chi phí khấu hao	39.452.724	36.452.724
Chi phí dịch vụ mua ngoài	623.703.005	909.385.290
Chi phí khác	11.592.700	37.901.725
Cộng	1.904.250.457	1.953.287.914

6.7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản tiền phạt	289.640.069	172.602.740
Các khoản khác	-	-
Cộng	289.640.069	172.602.740

6.8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản tiền phạt	26.232.609	30.268.584
Cộng	26.232.609	30.268.584

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	590.613.291	903.810.212
Điều chỉnh tăng	25.734.191	30.268.584
Thu nhập tính thuế TNDN	616.347.482	934.078.796
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	123.269.497	186.815.759

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.10. Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	461.640.326	716.303.294
Các khoản điều chỉnh:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành (cổ phiếu)	21.000.000	21.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	34

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Căn cứ theo Nghị quyết số 08/2024/SVN/NQ-HDQT ngày 25/12/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Veridian, ngày 14/3/2025 Công ty đã ký hợp đồng số 01-2025/HĐCNCP-VXLL để chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Veridian cho Ông Lê Hải Châu với số tiền chuyển nhượng là 21.550.000.000 đồng. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, ông Lê Hải Châu đã thanh toán số tiền 5.650.000.000 đồng, số tiền còn lại 15.900.000.000 đồng sẽ được thanh toán chậm nhất ngày 30/5/2025.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.6, ngày 25/3/2025, Ông Nguyễn Hồng Quang đã thanh toán số tiền 1.009.440.000 đồng công nợ phải thu khác.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện nào khác sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

a) Thông tin về các bên liên quan

TT	Tên bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty CP Thương mại M&S	Công ty con
2	Ông Michael Marc Lee	Thành viên quản lý chủ chốt
3	Ông Nguyễn Văn Chiến	Thành viên quản lý chủ chốt
4	Ông Nguyễn Ngọc Thuyên	Thành viên quản lý chủ chốt
5	Ông Callum Fraser	Thành viên quản lý chủ chốt
6	Trương Diệu Hương	Thành viên quản lý chủ chốt
7	Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Thành viên quản lý chủ chốt

b) Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Tiền lương, thưởng, phụ cấp, thù lao

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Ông Nguyễn Văn Chiến	Thành viên quản lý chủ chốt	125.690.000	111.378.000
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Kế toán trưởng	122.840.000	109.767.000

c) Số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan:

Tại ngày 31/12/2024, Tập đoàn không phát sinh công nợ phải thu phải trả với các bên liên quan.

7.3 Trình bày lại dữ liệu tương ứng

Tập đoàn đã trình bày lại một số chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do phân loại lại doanh thu hợp tác kinh doanh chia lãi cố định từ doanh thu hoạt động tài chính sang doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

<u>Mã số</u>	<u>Chi tiêu</u>	<u>Năm 2023</u> <u>(đã trình bày)</u>	<u>Điều chỉnh</u>	<u>Năm 2023</u> <u>(trình bày lại)</u>
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.248.872.433	500.000.000	80.748.872.433
21	Doanh thu hoạt động tài chính	1.813.411.541	(500.000.000)	1.313.411.541

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

<u>Mã số</u>	<u>Chi tiêu</u>	<u>Năm 2023</u> <u>(đã trình bày)</u>	<u>Điều chỉnh</u>	<u>Năm 2023</u> <u>(trình bày lại)</u>
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(1.688.421.304)	500.000.000	(1.188.421.304)
09	Tăng, giảm các khoản phải thu	53.403.762.512	(500.000.000)	52.903.762.512

Việc trình bày lại các thông tin so sánh nêu trên là để phân loại số liệu nhằm đảm bảo tính phù hợp với số liệu và bản chất nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng việc trình bày lại sẽ cung cấp thông tin hữu ích hơn cho người đọc.

7.4 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính 2024, Tập đoàn chỉ có doanh thu từ một ngành nghề kinh doanh là bán nông sản tại thị trường Việt Nam. Do đó Tập đoàn không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Huyền

TP. HCM, ngày 28 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Chiến